

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 4 - 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

2. Ông Nguyễn Ngọc Hưng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Hải Lanh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Chúc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai, Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2026/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thào Thị S - sinh năm 1974

Căn cước công dân: 010174000703 cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ: thôn N, xã V, tỉnh Lào Cai (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Giàng A - sinh năm 1971

Căn cước công dân: 010071000595 cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ: thôn N, xã V, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Thào Thị S: Bà Lò Thị Thúy Ngọc – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Thào Thị S trình bày: Chị Thào Thị S và anh Giàng A tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên từ đó đến nay chị Thào Thị S và anh Giàng A không

làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, chị Thào Thị S và anh Giàng A về chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng tôi thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị Thào Thị S và anh Giàng A đã sống ly thân từ năm 2023, anh Giàng A sống tại nhà con trai cả cùng tại thôn Hả Chư Ngải, xã V đến nay không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn của chị Thào Thị S và anh Giàng A đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng chị Thào Thị S và anh Giàng A vẫn không thể chung sống hạnh phúc được với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị Thào Thị S làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị Thào Thị S và anh Giàng A .

Về con chung: Quá trình chung sống chị Thào Thị S và anh Giàng A có với nhau 05 người con chung là cháu: Giàng G sinh ngày 21/07/1997; Giàng Thị S sinh ngày 01/01/2001; Giàng Thị D sinh ngày 01/12/2002; Giàng Thị I sinh ngày 02/12/2007; Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Hiện tại 04 cháu Giàng G, Giàng Thị S, Giàng Thị D, Giàng Thị I đã trưởng thành chị Thào Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Tại đơn khởi kiện chị Thào Thị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Giàng Thị D đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, nhưng tại biên bản hòa giải chị Thào Thị S thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhất trí để anh Giàng A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 cho đến khi cháu Giàng Thị D đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thào Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Chị Thào Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của bị đơn anh Giàng A trình bày: Anh Giàng A và chị Thào Thị S về chung sống với nhau từ năm 1995 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm quan điểm sống về cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế, năm 2023 anh Giàng A đã sống tại nhà con trai cả ở thôn Hả Chư Ngải, xã V vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay anh Giàng A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thào Thị S đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng anh Giàng A nhất trí như yêu cầu của chị Thào Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Thào Thị S và anh Giàng A có với nhau 05 người con chung là cháu: Giàng G sinh ngày 21/07/1997; Giàng Thị S sinh ngày 01/01/2001; Giàng Thị D sinh ngày 01/12/2002; Giàng Thị I sinh ngày 02/12/2007; Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Hiện tại 04 cháu Giàng G, Giàng Thị S, Giàng Thị D, Giàng Thị I đã đủ tuổi trưởng thành anh Giàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Giàng Thị D sinh ngày

28/01/2010 khi ly hôn anh Giàng A có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Giàng A không yêu cầu chị Thảo Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Giàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1,7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thảo Thị S như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Thảo Thị S và anh Giàng A là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 cho anh Giàng A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thảo Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Thảo Thị S trình bày: Chị Thảo Thị S và anh Giàng A tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chị Thảo Thị S và anh Giàng A về chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng tôi thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị Thảo Thị S và anh Giàng A đã sống ly thân từ năm 2023, anh Giàng A sống tại nhà con trai cả cùng tại thôn Hẩu Chư Ngải, xã V đến nay không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai giải quyết cho chị Thảo Thị S được ly hôn với anh Giàng A .

Về con chung: Quá trình chung sống chị Thảo Thị S và anh Giàng A có với nhau 05 người con chung là cháu: Giàng G sinh ngày 21/07/1997; Giàng Thị S sinh ngày 01/01/2001; Giàng Thị D sinh ngày 01/12/2002; Giàng Thị I sinh ngày 02/12/2007; Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Hiện tại 04 cháu Giàng G, Giàng Thị S, Giàng Thị D, Giàng Thị I đã trưởng thành chị Thảo Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 tại biên bản hòa giải chị Thảo Thị S thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhất trí để anh Giàng A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Giàng Thị D cho anh Giàng A là người trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 cho đến khi cháu Giàng Thị D đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị Thào Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn các đương sự đều có địa chỉ tại thôn N, xã V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị S và anh Giàng A tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình sống chung chị Thào Thị S và anh Giàng A có nhiều mâu thuẫn luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến chị Thào Thị S và anh Giàng A thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị Thào Thị S và anh Giàng A đã sống ly thân từ năm 2023, anh Giàng A về sống tại nhà con trai cả cùng tại thôn Hẩu Chư Ngải, xã V đến nay không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị Thào Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A. Chị Thào Thị S và anh Giàng A không đăng ký kết hôn mà sống chung như vợ chồng là trái pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thào Thị S và anh Giàng A là quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Giấy cam đoan về xác nhận quan hệ hôn nhân ngày 26/02/2026 của chị Thào Thị S đã được Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lào Cai xác nhận chị Thào Thị S và anh Giàng A về chung sống từ năm 1995 từ đó đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương, quá trình chung sống ở địa phương chị Thào Thị S và anh Giàng A có 05 người con chung. Chị Thào Thị S và anh Giàng A đến chính quyền địa phương đăng ký khai sinh cho 05 người con là Giàng G; Giàng Thị S; Giàng Thị D; Giàng Thị I; Giàng Thị D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Thào Thị S và anh Giàng A có 05 con chung cháu Giàng G sinh ngày 21/07/1997; Giàng Thị S

sinh ngày 01/01/2001; Giàng Thị D sinh ngày 01/12/2002; Giàng Thị I sinh ngày 02/12/2007; Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010. Hiện tại 04 cháu Giàng G, Giàng Thị S, Giàng Thị D, Giàng Thị I đã đủ tuổi trưởng thành anh Giàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh Giàng A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Giàng A không yêu cầu chị Thảo Thị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao nuôi con của chị Thảo Thị S và anh Giàng A. Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung đã ghi rõ quan điểm của chị Thảo Thị S và anh Giàng A trong biên bản hòa giải, sau khi hòa giải, tòa án phân tích, đánh giá các chứng cứ và các đương sự có ý kiến thì chị Thảo Thị S và anh Giàng A đã thống nhất về việc nuôi con như sau: Chị Thảo Thị S nhất trí để anh Giàng A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị D sinh ngày 28/01/2010 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và bản ghi ý kiến của cháu Giàng Thị D tại Tòa án, cháu Giàng Thị D có nguyện vọng xin được ở với bố là anh Giàng A. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Giàng Thị D cho anh Giàng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị Thảo Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Thảo Thị S, anh Giàng A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Thảo Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1,7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Thảo Thị S và anh Giàng A là quan hệ vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Giàng Thị D – sinh ngày 28/01/2010 cho anh Giàng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Giàng Thị D đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị Thảo Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chị Thảo Thị S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thảo Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000754 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Thào Thị S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị Thào Thị S và anh Giàng A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSKV 7 – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ QLHP;
- Phòng THADSKV 7 – LC;
- UBNDX Tả Van (nơi cư trú)
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Hương